

Số: 99 /QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

*V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông Nguyễn Đức Lập

***Thư ký phiên họp:*** Bà Phạm Thị Trang – Thư ký viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:*** Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & gia đình thụ lý số 79/2024/TLST - VHNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp số: 86/2023/QĐPH-ST ngày 09 tháng 04 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Anh V, sinh năm 1993.

Địa chỉ tại Việt Nam: Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội; Hiện đang ở tại Q; Căn cước công dân số: \*\*\*\*\* do Cục Cảnh sát quản lý về hành chính trật tự xã hội cấp ngày 08/07/2022.

- Chị D, sinh năm 1997.

ĐKKH và Địa chỉ: Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội; Căn cước công dân số : \*\*\*\*\* do Cục Cảnh sát quản lý về hành chính trật tự xã hội cấp ngày 07/10/2022.

Anh V có ủy quyền cho Chị H, sinh năm: 1990 (Căn cước công dân số: \*\*\*\*\* do Cục Cảnh sát quản lý về hành chính trật tự xã hội cấp ngày 04/05/2023) nộp, nhận Văn bản tố tụng thay anh.

Bà N, sinh năm 1968, Địa chỉ: Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội là mẹ đẻ của Anh V có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

**\* Theo Anh V trình bày:**

Vợ chồng chúng tôi kết hôn trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2016 ngày 18/11/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cho đến nay ngày càng trở nên căng

thăng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Năm 2022 tôi xuất cảnh đi Q theo diện xuất khẩu lao động. Do không gần gũi nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn không có cách nào giải quyết. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng.

Nay, tôi nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết cho chúng tôi ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho tôi và Chị D.

**2. Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng vợ tôi và gia đình tôi tại thôn Quảng Nguyên, Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội. Nay ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao Cháu A cho tôi là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, giao Cháu B cho vợ tôi Chị D là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Trong thời gian tôi làm việc ở nước ngoài, tôi ủy quyền và đề nghị Tòa án tạm giao Cháu A cho bà Nội cháu là mẹ đẻ của tôi Bà N (sinh năm 1968, HKTT: Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội) thay tôi nuôi dưỡng chăm sóc đến khi tôi về nước. Khi tôi về nước, Bà N sẽ giao lại Cháu A cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

**4. Về nợ chung:** Chúng tôi không nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5. Về án phí ly hôn, chi phí tố tụng:** Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và chi phí tố tụng nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của tôi.

**6. Vấn đề khác:** Hiện tại tôi đang sinh sống và làm việc tại Q, do khoảng cách xa xôi và điều kiện đi lại khó khăn nên tôi không thể có mặt trong các buổi làm việc của Tòa án. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không tiến hành hòa giải và giải quyết thủ tục ly hôn vắng mặt tôi. Tôi ủy quyền cho Bà H, sinh năm: 1990 (Căn cước công dân số: \*\*\*\*\* do Cục Cảnh sát quản lý về hành chính trật tự xã hội cấp ngày 04/05/2023); Nơi thường trú: Xã L, huyện H, tỉnh B thay mặt tôi nộp đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và nhận Văn bản, quyết định ly hôn mà Tòa án tổng đạt. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được giải quyết vắng mặt.

**\* Theo Chị D trình bày:**

Vợ chồng chúng tôi kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại xã UBND Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2016 ngày 18/11/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi chỉ hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cho đến nay ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Năm 2022 Anh V xuất cảnh đi Q theo diện xuất khẩu lao động. Do không gần gũi nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn không có cách nào giải quyết. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng.

Nay, tôi nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết cho chúng tôi ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho tôi và Anh V

**2. Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với tôi và gia đình Anh V tại Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội. Nay ly hôn chúng tôi thỏa thuận giao Cháu A cho Anh V là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, giao Cháu B cho tôi là D chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Trong thời gian Anh V làm việc ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao Cháu A cho bà Nội cháu là mẹ đẻ của Anh V Bà N (sinh năm 1968, HKTT: Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội) thay Anh V nuôi dưỡng chăm sóc đến khi Anh V về nước. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

**4. Về nợ chung:** Chúng tôi không nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên họp:**

- Anh V có đơn xin vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của Anh V nhận văn bản tố tụng là Chị H có mặt. Chị H có ý kiến là Anh V đã ủy quyền để chị đi nộp tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình.

- Chị D giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày. Đến nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và Anh V. Về con chung, chị và Anh V có 02 con chung Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu B, Anh V trực tiếp nuôi dưỡng Cháu A. Trong thời gian Anh V chưa về nước đề nghị Tòa án giao Cháu A cho bà nội là Bà N nuôi dưỡng vì cháu ở với bà từ bé cho đến nay. Về cấp dưỡng xin tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ không có nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà N có ý kiến: Cháu A được bà chăm sóc nuôi dưỡng từ bé cho đến nay, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của Cháu A nên bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi Anh V về nước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án*: Về hôn nhân của Anh V và Chị D là hợp pháp. Đến nay cuộc sống hôn nhân của Anh V và Chị D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh V và Chị D; Về con chung: Anh V và Chị D có 02 con chung là Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Ly hôn đề nghị giao Cháu A cho Anh V nuôi dưỡng, giao Cháu B cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng các đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản và công nợ chung: Anh V và Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của Anh V chịu toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân & gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc Hôn nhân & gia đình đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh V và chị D kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn ngày 18/11/2016 tại UBND Xã C, huyện H, thành phố Hà Nội nên là hôn nhân hợp pháp. Việc Anh V và Chị D yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, Anh V đang sinh sống và làm việc tại Q nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của Anh V tại phiên họp: Anh V vắng mặt nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt do Chị H xuất trình. Đồng thời Anh V đã có văn bản ủy quyền cho Chị H nhận văn bản tố tụng thay anh. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình vắng mặt Anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về Hôn nhân: Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, thể hiện Anh V và chị D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của

hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu, anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng đến nay không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi, Chị D sống và làm việc tại Việt Nam, Anh V sống và làm việc tại Q nên mâu thuẫn của anh chị không có điều kiện để hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của Anh V và Chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của Anh V và chị D là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về con chung: Anh V và Chị D có 02 con chung là Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Ly hôn đề nghị giao Cháu A cho Anh V nuôi dưỡng, giao Cháu B cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng các đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong thời gian Anh V chưa về nước, Anh V và Chị D đề nghị Tòa án giao Cháu A cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy Cháu B hiện đang sống cùng Chị D, Cháu A đang sống cùng Bà N, các cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển bình thường. Việc thỏa thuận của Anh V và Chị D là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của Cháu A và Cháu B, cần giao Cháu A cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao Cháu B cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế sinh hoạt của các cháu, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình. Anh V và Chị D có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, Anh V và Chị D xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh V và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân và gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện của Anh V chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

*Bởi các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### ***Căn cứ:***

- Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, Điều 37; Điều 39; Điều 371, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

### ***Xử:***

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Anh V và Chị D.

- Về con chung: Anh V và Chị D có 02 con chung là Cháu A, sinh ngày 12/11/2017 và Cháu B, sinh ngày 17/01/2020. Ly hôn giao Cháu A cho Anh V nuôi

dưỡng và giao Cháu B cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật thay thế. Trong thời gian Anh V chưa về Việt Nam Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu A.

Về mức cấp dưỡng các đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh V và Chị D có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V và Chị D xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh V và Chị D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện của Anh V xin chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số BLTU/23/23161 ngày 26/03/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội
- UBND xã C, huyện H Hà Nội;
- Lưu Vp, HSVA.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Nguyễn Đức Lập**